

Bản án số: 27/2018/HS-ST

Ngày 02 - 7 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Sơn và ông K'KRanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Mỹ Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T (tên gọi khác: C), sinh ngày 20 tháng 2 năm 2000 tại tỉnh K; nơi đăng ký HKTT : Thôn T, xã N, thị xã H, tỉnh K; nơi cư trú: tổ dân phố 1, phường M, thị xã G, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh D và bà Đinh Thị H; bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1996 và có 01 con 01 tuổi; hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 436 ngày 24/4/2018 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã Gia Nghĩa - Có mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ 2, phường A, thị xã G, tỉnh Đ - Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ 2, phường B, thị xã G, tỉnh Đ – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị M cùng thuê phòng trọ của bà Lê Thị H (SN 1962) và cùng làm nghề bán bánh mì, bán cháo tại tổ 1, P. M, Tx. G. Khoảng 16h20'

ngày 31/12/2017, Nguyễn Minh T đi từ quầy bánh mì về phòng trọ để lấy nước nấu cháo cho khách. Khi đi qua quầy bánh mì của chị M thì chị M nhờ T về phòng trọ gọi giúp con chị mình là cháu Nguyễn Trung K lên trông coi quầy bánh. Khi đi về tới phòng trọ của chị M, thấy cháu K đang sử dụng điện thoại nhãn hiệu OPPO – F3, thì T nói với cháu K “*Mẹ gọi con lên trên hỏi gì kia*”, nghe vậy, cháu K cầm dây sạc điện thoại và để ở đầu giường ngủ gần cửa rồi khép cửa lại đi lên chỗ quầy bán bánh mì. Sau khi lấy nước xong, T thấy phòng trọ của chị M không khóa cửa nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên, T đi lại mở cửa rồi lấy trộm điện thoại bỏ vào túi quần và đi đến nhà cô ruột của mình là chị Nguyễn Thị Ngọc T (SN 1991), tại tổ 4, P. M để cất giấu. Chị M phát hiện hành vi của T và trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra, còn trí bỏ trốn, sau đó bị truy nã.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; Xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO – F3, màu đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 22/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Gia Nghĩa kết luận, giá trị chiếc điện thoại trên là 5.172.000 đồng.

Thấy không cần thiết tạm giữ, nên ngày 25/4/2018, Cơ quan CSĐT Công an Tx. Gia Nghĩa ra Quyết định xử lý vật chứng số 442, trả lại chiếc điện thoại trên cho chị Nguyễn Thị M là chủ sở hữu hợp pháp.

Tại bản cáo trạng số: 31/CT-VKS ngày 11 tháng 6 năm 2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và thừa nhận Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh, khoản và điều luật áp dụng như Cáo trạng là đúng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999; Các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999; Điều 60, Điều 69, Điều 74 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 04 đến 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Do bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo không trình bày lời bào chữa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các chứng cứ buộc tội và quan điểm đề nghị xử lý của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 31/12/2017, Nguyễn Minh T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO – F3 màu đồng trị giá 5.172.000 đồng của chị Nguyễn Thị M. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

[3] Xét thấy, cáo trạng số: 31/CT-VKS ngày 11 tháng 6 năm 2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo T thực hiện vào ngày 31/12/2017, đây là thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật; mặt khác khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 không có quy định nào có lợi hơn cho người phạm tội so với khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015, thì áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử bị cáo Nguyễn Minh T về tội: “Trộm cắp tài sản” là phù hợp.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Minh T là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo nhận thức rằng quyền sở hữu tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, bất kỳ một hành vi chiếm đoạt trái pháp luật nào cũng đều bị xử lý nghiêm theo quy định, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân cộng với ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng một hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tính đến thời điểm phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nên áp dụng các quy định của pháp luật về người chưa thành niên phạm tội; bị cáo phạm tội chưa gây gây thiệt hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tự nguyện đến cơ quan điều tra đầu thú về hành vi phạm tội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của vụ án cũng như nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Giao bị cáo về cho chính quyền địa phương cùng gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục người phạm tội.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Chị Nguyễn Thị M đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[7] Về việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Ngày 25/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa ra Quyết định xử lý vật chứng số 442, trả lại chiếc điện thoại trên cho chị Nguyễn Thị M là chủ sở hữu hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 138; các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60; Điều 69; Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh T** (tên gọi khác: **C**) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt **Nguyễn Minh T** (tên gọi khác **C**) 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án (ngày 02/7/2018).

Giao bị cáo Nguyễn Minh T (tên gọi khác **C**) cho Ủy ban nhân dân phường M, thị xã G, tỉnh Đ giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo; trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Chị Nguyễn Thị M đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

3. Về việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Chấp nhận ngày 25/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa ra Quyết định xử lý vật chứng số 442, trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO – F3, màu đồng cho chị Nguyễn Thị M là chủ sở hữu.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thị xã Gia Nghĩa;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Gia Nghĩa;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thị xã Gia Nghĩa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Lương